TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST Ngày 17-5-2018 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim N

Ông La Thanh L

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T.

Địa chỉ: khu vực 2, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tăng Văn Út.

Địa chỉ: khu vực 2, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày: bà Lê Thị Ngọc T và ông Tăng Văn Ukết hôn vào năm 1990, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Uthiếu trách nhiệm với vợ con, không quan tâm đến gia đình, rượu chè,

cờ bạc bê tha và chửi bới xúc phạm bà T, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng còn ở chung nhà nhưng khoảng hai năm trở lại đây việc ai người đó làm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Bà T xác định không còn yêu thương ông Unữa và giữ quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Tăng Thị Ngọc Ngân (giới tính: Nữ), sinh năm 2002, không yêu cầu ông Ucấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Tăng Văn Uphát biểu ý kiến không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự không thống nhất thỏa thuận được: bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Văn Út, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Tăng Thị Ngọc Ngân (giới tính: Nữ), sinh năm 2002, không yêu cầu ông Ucấp dưỡng nuôi con. Ông Tăng Văn Ukhông chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tăng Văn Uvà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Do đó, đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp: bà Lê Thị Ngọc T và ông Tăng Văn Uchung sống như vợ chồng từ năm 1990. Hiện tại ông, bà đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Uđược công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông U thiếu trách nhiệm với vợ con, không quan tâm đến gia đình, rượu chè, cờ bạc bê tha và chửi bới xúc phạm bà T, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…". Đối chiếu quy định nêu trên với trường hợp của bà T và ông U cho thấy ông, bà đã không còn yêu thương nhau nữa, biểu hiện qua

việc vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong việc thực hiện các công việc hàng ngày. Từ đó, dẫn đến hậu quả là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông Ucó nguyện vọng được tiếp tục đoàn tụ với vợ con, nhưng ông không đưa ra được phương án khả thi để thuyết phục vợ mình đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà T cương quyết yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Út.

[3] Về con chung: quá trình chung sống bà T và ông Ucó ba con chung tên Tăng Ngọc Sinh, sinh năm 1990, Tăng Ngọc Ái, sinh năm 1994 và Tăng Thị Ngọc Ngân, sinh năm 2002 (Tăng Ngọc Sinh và Tăng Ngọc Ái đã thành niên, riêng cháu Tăng Thị Ngọc Ngân chưa thành niên). Bà Ucó yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Tăng Thị Ngọc Ngân, không yêu cầu ông Ucấp dưỡng. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà Út, Hội đồng xét xử thấy rằng: cháu Tăng Thị Ngọc Ngân trước giờ sống chung với bà T để đi học, theo nguyên vọng của cháu Ngân sau khi cha mẹ ly hôn cháu muốn sống với mẹ, bà T hiện nay có nghề nghiệp và thu nhập tương đối ổn định, có khả năng nuôi dưỡng cháu Ngân. Ngoài ra xét thấy cháu Ngân là nữ, lại đang ở độ tuổi sắp trưởng thành nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ mẹ. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo quyền lợi của cháu Tăng Thị Ngọc Ngân sau khi cha mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và giáo dục, cộng với tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quyết định giao cháu Tăng Thị Ngọc Ngân cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Tăng Văn Uchưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do bà T chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Ngọc T trình bày không có, nên không có tranh chấp, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Lê Ngọc Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T. Bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Tăng Văn Út.

2. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tăng Thị Ngọc Ngân (giới tính: Nữ), sinh năm 2002. Ông Tăng Văn Uchưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do bà T chưa yêu cầu. Ông Tăng Văn Ucó quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: bà Lê Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0015910 ngày 01/3/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THADS TP. Vị Thanh;
- UBND phường III;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Bằng